

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 59/TC-TCT-CS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 11 năm 1991

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành quyết định của HĐNN và nghị định của HĐBT về việc sửa đổi, bổ sung thuế doanh thu và thuế tiêu thụ đặc biệt

Căn cứ Quyết định số 472/NQ-HĐNN8 ngày 10-9-1991 của Hội đồng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung thuế suất đối với một số ngành nghề, mặt hàng trong các Luật thuế doanh thu, tiêu thụ đặc biệt và Nghị định số 325/HĐBT ngày 19-10-91 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Quyết định nói trên, Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành và chi tiết hoá việc thực hiện như sau:

A- VỀ THUẾ DOANH THU

I- Căn cứ biểu thuế doanh thu ban hành kèm theo Luật thuế doanh thu ngày 30-6-1990 đã được Hội đồng Nhà nước sửa đổi bổ sung trong phiên họp ngày 10-9-1991 và căn cứ vào Điều 1 Nghị định số 325/HĐBT ngày 19-10-1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Tài chính hệ thống hóa lại và hướng dẫn cụ thể Biểu thuế về thuế doanh thu kèm theo Thông tư này, thay thế cho “Biểu thuế về thuế doanh thu” kèm theo Thông tư số 45/TC-TCT ngày 4-10-1990 của Bộ Tài chính.

II- Hướng dẫn chi tiết việc áp dụng các thuế suất mới bổ sung, sửa đổi như sau:

MỤC 1. NGÀNH SẢN XUẤT

- Cơ sở sản xuất ra Clanke bán cho cơ sở khác thì thu thuế doanh thu 5% tính trên doanh thu bán Clanke; nếu không bán cho cơ sở khác mà đưa vào sản xuất thành xi măng thì chỉ thu thuế doanh thu trên doanh thu bán xi măng.
- Cơ sở sản xuất ra nước đá bán cho cơ sở đánh bắt thủy sản theo hợp đồng kinh tế để dùng vào việc ướp lạnh, thủy sản tại cơ sở chế biến hoặc trên các tàu thuyền đi biển thì thu thuế doanh thu 2%. Trường hợp không hạch toán được rành mạch

phần nước đá bán cho các cơ sở đánh bắt thủy sản thì phải nộp thuế doanh thu 6% trên tổng số doanh thu bán nước đá.

3. In, xuất bản sách, báo các loại:

- Áp dụng thuế suất 0% đối với in, xuất bản các loại: sách chính trị, sách giáo khoa, sách khoa học kỹ thuật, sách phục vụ thiếu nhi (in bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài), các tạp chí chuyên ngành, ảnh lãnh tụ, báo Nhân dân, báo Quân đội nhân dân, báo Thiếu niên, báo Nhi đồng; các loại sách, báo in bằng tiếng dân tộc thiểu số.

- Áp dụng thuế suất 1% đối với in, xuất bản các loại sách, báo khác kể cả in, thu các băng ca nhạc, băng hình, đĩa hát về các chương trình ca khúc chính trị, truyền thống dân tộc, sản xuất phim bản đầu, in tráng phim.

- Áp dụng thuế suất 4% đối với in, xuất bản: văn hoá phẩm (như các loại lịch, bưu ảnh, bưu thiếp...); các loại nhãn, in khác (như các loại biểu mẫu, hoá đơn, chứng từ, vé xổ số...); các hoạt động khác trong ngành in xuất bản (xén, kẻ giấy, làm bản kẽm, sửa chữa bản kẽm ...);

4. Hoạt động gia công tất cả các ngành hàng ghi trong mục I- ngành sản xuất áp dụng thuế suất 6% tính trên toàn bộ tiền gia công do khách hàng trả bao gồm tiền công, chi phí về nhiên liệu, động lực, khấu hao, chi phí khác, chi phí về vật liệu phụ (nếu có).

5. Sản xuất các loại con giống gia súc (trâu, bò, lợn, dê, cừu...), gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng...) áp dụng thuế suất 1% trên doanh thu bán con giống

6. Áp dụng thuế suất 1% đối với sản xuất ra các loại công cụ sản xuất bằng các loại nguyên liệu vật liệu (sắt, gỗ, nhựa, cao su...) phục vụ các ngành kinh tế quốc dân, ví dụ như các loại công cụ cầm tay, nông cụ, ngư cụ, dụng cụ nghề muối, nghề rừng, các loại phụ tùng linh kiện của các loại công cụ sản xuất.

7. Cơ sở sản xuất có mua bán các tài sản cố định thì áp dụng thuế suất của ngành thương nghiệp.

MỤC II. NGÀNH VẬN TẢI

- Áp dụng thuế suất 1% đối với vận tải hành khách trong thành phố và thị xã

MỤC III. NGÀNH THƯƠNG NGHIỆP

1. Áp dụng thuế suất 1% đối với các mặt hàng thiết yếu sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu sau đây:

- + Bán các loại lương thực, rau quả, thực phẩm tươi sống (trừ các loại đồ hộp)
- + Bán thuốc chữa bệnh cho người, cho gia súc, gia cầm, gồm cả tân dược, đông dược.
- + Bán các loại nhiên liệu, chất đốt (trừ xăng).
- + Bán các loại: nguyên liệu, vật liệu, vật tư kỹ thuật, phân bón, thuốc trừ sâu, phế liệu phế phẩm.
- + Bán các loại: máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải (trừ ô tô du lịch từ 15 chỗ ngồi, mô tô, xe máy, xe đạp), dụng cụ thí nghiệm, dụng cụ y tế, giáo dục (đồ dùng dạy học và dụng cụ học tập); đồ chơi trẻ em, cây giống, con giống, hạt giống.

2. Áp dụng thuế suất 22% đối với các mặt hàng khác sản xuất trong nước (trừ những mặt hàng đã ghi ở điểm 1 trên).

3. Áp dụng thuế suất 4% đối với các mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu (trừ những mặt hàng đã ghi cụ thể ở điểm 1 trên).

Riêng:

- + Bán rượu bia: 10%
- + Bán các loại mỹ phẩm, dầu video, xăng: 8%
- + Bán các loại ô tô du lịch từ 15 chỗ ngồi trở xuống, ti vi, xe gắn máy, đồ hộp, các loại nước giải khát: 6%

4. Áp dụng thuế suất thuế doanh thu 2% và thuế suất thuế lợi tức 3% đối với kinh doanh buôn chuyển (công chúng là 5%) tính trên trị giá từng chuyển hàng theo giá thị trường tại nơi hàng đi. Trường hợp không kê khai nộp thuế nơi đi thì giá tính thuế là giá nơi đến hoặc nơi phát hiện, nơi bán hàng

5. Hoạt động đại lý bán hàng, bán hàng ký gửi, uỷ thác mua, bán hàng, có đủ điều kiện như đã hướng dẫn tại điểm B-I-4 Thông tư số 45/TC-TCT ngày 4-10-1990 của Bộ Tài chính thì được áp dụng thuế suất 12% tính trên tiền hoa hồng được hưởng. Nếu không có đủ điều kiện như quy định thì áp dụng thuế suất theo từng ngành hàng tính trên doanh thu bán hàng.

6. Đơn vị kinh doanh thương nghiệp được phép áp dụng một trong hai phương pháp tính thuế doanh thu: một là tính thuế doanh thu trên doanh thu bán hàng; hai là tính thuế doanh thu trên số chênh lệch giữa giá bán hàng và giá mua hàng.

Những cơ sở bán hàng (trừ buôn chuyển) có sổ sách kế toán, hoá đơn đúng chế độ, được cơ quan thuế công nhận, thì được tính thuế doanh thu trên số chênh lệch giữa giá bán hàng và giá mua hàng.

6.1. Thuế suất đối với từng nhóm mặt hàng như sau:

- Kinh doanh muối các loại: 4%
- Phát hành sách báo các loại: 4%
- Kinh doanh nông sản, thủy sản, rau quả, thực phẩm tươi sống: 10%
- Kinh doanh rượu, bia, hàng điện tử, hàng điện lạnh, xe gắn máy, ô tô du lịch từ 15 chỗ ngồi trở xuống, mỹ phẩm, xăng: 16%
- Kinh doanh vàng, bạc, đá quý: 15%
- Kinh doanh các mặt hàng khác: 14%

6.2. Các điều kiện để thực hiện tính thuế doanh thu trên số chênh lệch:

a) Đơn vị phải thực hiện đúng Pháp lệnh kế toán thống kê của Hội đồng Nhà nước đã ban hành kèm theo Lệnh công bố số 06/LCT-HĐNN ngày 10-5-1988 và các văn bản của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Tài chính và Tổng cục thống kê hướng dẫn thi hành Pháp lệnh kế toán thống kê.

b) Thực hiện đúng chế độ hoá đơn, chứng từ theo quy định tại Quyết định số 54/TC-TCT ngày 20-2-1991 của Bộ Tài chính. Thực hiện mua hàng phải có hoá đơn, bán hàng cũng phải xuất hoá đơn: tất cả hoá đơn mua hàng và hoá đơn bán hàng phải là loại hóa đơn do Bộ Tài chính thống nhất phát hành, hoặc loại hoá đơn được Bộ Tài chính công nhận.

c) Đăng ký với cơ quan thuế thực hiện nộp thuế doanh thu trên số chênh lệch giữa giá bán hàng và giá mua hàng (lập theo mẫu đính kèm Thông tư này).

d) Được Cục thuế hoặc Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu thuế công nhận cho từng đơn vị kinh doanh được áp dụng tính thuế doanh thu trên số chênh lệch giữa giá bán hàng và giá mua hàng.

Khi đã được cơ quan thuế chấp nhận cho áp dụng phương pháp tính thuế doanh thu trên số chênh lệch giữa giá bán hàng và giá mua hàng thì đơn vị kinh doanh có trách nhiệm chấp hành đúng những nội dung đã quy định, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo những quy định hiện hành

6.3. Xác định số chênh lệch giữa giá bán hàng và giá mua hàng

a) Công thức xác định số chênh lệch:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Số chênh} & & \text{Tổng giá bán thực} & & \text{Tổng giá mua thực} \\ & = & & - & \\ \text{lệch} & & \text{tế kỳ hạch toán} & & \text{tế kỳ hạch toán} \end{array}$$

- Giá mua = là giá thanh toán thực tế với đơn vị bán, được ghi trên hoá đơn của bên bán hàng hoặc hoá đơn kiêm phiếu xuất kho (không bao gồm các chi phí vận chuyển, bốc xếp, đóng gói, v.v..)

- Giá bán = là giá thực tế bán được ghi trên hoá đơn bán hàng của đơn vị

- Chênh lệch giữa giá bán và giá mua: bao gồm:

+ Chi phí lưu thông: vận chuyển, bốc xếp... trong khâu thương nghiệp.

+ Chi phí quản lý, tiền lương, khấu hao cơ bản, chi phí khác.

+ Tích lũy thu được trong khâu thương nghiệp.

b) Xác định chênh lệch theo sổ sách kế toán:

- Sơ đồ kế toán: Đối với hoạt động kinh doanh thương nghiệp, tài khoản 40 phản ánh toàn bộ chi phí của khối lượng hàng hoá, vật tư đã được xác định là tiêu thụ; toàn bộ doanh thu tiêu thụ cùng các chi phí và thu nhập khác, làm cơ sở cho việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị trong kỳ hạch toán. Số chênh lệch giữa giá bán và giá mua về kế toán được phản ánh là số chênh lệch giữa số phát sinh bên có của tài khoản 40 (đối ứng với phát sinh bên nợ của tài khoản 50, 51, 61) và số phát sinh bên nợ của tài khoản 40 (đối ứng với bên có của các tài khoản 20: mua hàng (trường hợp giao tay 3), TK 23: hàng hoá, TK 25: hàng hoá gửi bán (gửi cho người mua)

Để theo dõi cụ thể từng hoạt động tài khoản 40 được chia ra 5 tiểu khoản:

Tiểu khoản 401: hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Tiểu khoản 402: hoạt động sản xuất kinh doanh phụ